

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HS-ST

Ngày: 29 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lư

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Hoài

Bà Dương Thị Hồng Liên

*- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham
gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kinh - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn B1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1974, tại Quảng Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Tr, sinh năm: 1934 và bà Dương Thị B, sinh năm: 1943; có vợ Dương Thị H, sinh năm 1976 và có 03 người con: lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: học hết lớp 8/12 nghỉ học ở nhà. Năm 1993 đi nghĩa vụ quân sự thuộc vùng 1 Hải Quân tại thành phố Ph đến năm 1995 ra quân về sinh sống làm ruộng tại địa phương. Năm 1997 học lái xe tại trường Công - Nông nghiệp Quảng Bình, sau đó về mua xe tự lái. Ngày 19/4/2000, bị Công an Đồng

Hớixử phạt hành chính về hành vi "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Năm 2012 hợp đồng lái xe cho Công ty TNHH T tại thôn B, xã N. Bị cáo hiện tại ngoại có lệnh "Cấm đi khỏi nơi cư trú". "có mặt".

2. Hoàng Anh B2, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1959, tại Quảng Bình. Nơi cư trú: thôn C, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Công nhân cơ khí; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X, sinh năm 1933 và Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1929; vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1964, con có 04 người con: lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: học hết lớp 7/10 nghỉ học ở nhà. Năm 1976 học trường công nhân kỹ thuật xây lắp 7 thuộc phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình đến tháng 5/1978 ra trường. Tháng 8/1978 đi nghĩa vụ quân sự thuộc Sư đoàn 337 tỉnh Lạng Sơn đến tháng 10/1982 ra quân về làm việc tại đoàn địa chất 406 tại huyện Đ, tỉnh Bình - Trị - Thiên. Năm 1986 đơn vị chuyển đến xã Lộc N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, năm 1996 nghỉ chế độ 176 về làm sửa chữa ô tô. Năm 2009 hợp đồng làm cơ khí cho Công ty TNHH T tại thôn B, xã N. Bị cáo hiện tại ngoại có lệnh "Cấm đi khỏi nơi cư trú". "có mặt".

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị N, sinh năm: 1968 (đã chết); địa chỉ: thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1950 (là anh trai của chồng bị hại); địa chỉ: thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. "vắng mặt có lý do"

2. Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ dân phố A, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. "vắng mặt"

- Bị đơn dân sự: Công ty TNHH T; địa chỉ: thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc H - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Kiêm giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn L - Phó giám đốc; địa chỉ: thôn C, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. "có mặt"

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị D, sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ dân phố A, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. "vắng mặt"

2. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1981; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thành phố H,

tỉnh Quảng Bình. “có mặt”

3. Anh Đào Viết Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: thôn D, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. “có mặt”

4. Anh Trần Văn H, sinh năm: 1967; địa chỉ: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. “vắng mặt”

5. Anh Trần Văn Th, sinh năm: 1991; địa chỉ: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 31/7/2017, Hoàng Anh B2 là Đội phó đội cơ giới của Công ty TNHH T có trụ sở đóng tại thôn B, xã N, thành phố H điều động Hoàng Văn B1 có giấy phép lái xe hạng C điều khiển xe ô tô BKS 73L -1722 của Công ty đến gara L ở đường Ng thuộc TDP C, phường L, thành phố H để sửa chữa cabin xe. Trước lúc đi, B1 thông báo cho anh B2 biết xe ô tô BKS 73L- 1722 đã hết hạn lưu hành. Nhưng anh B2 nói “cứ đi đi có gì Công ty chịu trách nhiệm”. B1 chấp hành lệnh rồi điều khiển xe ô tô BKS 73L- 1722 chạy trên đường Ng, theo hướng phường L, phường N. Khoảng 07 giờ 40’ cùng ngày khi đến trước số nhà 104 đường Ng thuộc TDP D, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, do hệ thống phanh của xe ô tô do Hoàng Văn B1 điều khiển mất hiệu lực nên đâm vào chị Trần Thị N, sinh năm 1968, trú tại thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đi bộ qua đường theo hướng Tây- Đông, rồi tiếp tục đâm vào phía sau bên phải xe ô tô BKS 73A - 056.64 do Lê Thị D trú ở TDP A, phường L điều khiển chạy cùng chiều phía trước và tiếp tục chạy thêm 200m nữa khi đâm vào bên đường mới dừng lại. Hậu quả: Chị N bị tử vong tại Bệnh viện H.

Về hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông nằm trên đường Ng, thuộc TDP D, phường N, thành phố H. Khám nghiệm theo hướng từ ngã ba L đi N (hướng Bắc - Nam) theo chiều đi của phương tiện gây tai nạn thấy:

Mặt đường rộng 9m60, đường một chiều bằng bê tông nhựa bằng phẳng, thẳng có 02 xe ô tô đang dừng đỗ bê tông che khuất tầm nhìn.

Vị trí số 1, là xe ô tô BKS 73C - 030.65 loại xe tải chở ống đổ bê tông của Công ty TNHH Ph dừng bên mép phải đường Ng theo chiều hướng khám nghiệm, đầu quay về hướng Bắc, đuôi quay hướng Nam. Trục bánh trước bên trái xe ô tô cách

mép đường bên phải là 0,40m; Trục bánh sau của dãy lớp sau cùng (dãy 3) bên trái xe ô tô cách mép đường bên phải 0,65m và trục bánh sau của dãy lớp sau cùng (dãy 3) bên phải xe ô tô cách điểm đầu dải phân cách cố định phía Bắc về hướng Bắc là 6,50m.

Vị trí số 2, là xe ô tô BKS 73C - 043.63 loại xe tải có bồn trộn bê tông của Công ty TNHH Ph dùng bên mép phải đường Ng theo chiều hướng khám nghiệm, đầu quay về hướng Nam, đuôi quay hướng Bắc. Trục dãy lớp sau cùng bên phải xe ô tô cách mép đường nhựa bên phải là 0,68m và cách trục bánh sau bên trái ô tô BKS 73C - 030.65 về hướng Nam là 7,45m; Trục bánh trước bên phải xe ô tô BKS 73C - 043.63 cách mép đường nhựa bên phải là 0,68m và cách mép phía bắc đường vào Bệnh viện H về phía bắc 15,26m.

Vị trí số 3, là vết máu không rõ hình kích thước (0,40 x 0,20)m, tâm cách mép đường bên phải đường Ng về phía Đông theo hướng vuông góc là 5,70m và cách điểm đầu dải phân cách cố định phía Bắc về hướng Nam theo đường vuông góc là 8m và cách tâm trục bánh trước bên trái xe ô tô BKS 73C - 043.63 về hướng Nam theo đường vuông góc 1,45m.

Vị trí số 4, là vị trí xe ô tô BKS 73A - 056.64 liên quan đến tai nạn dừng đỗ trên mặt đường phần mở rộng mép giao nhau giữa đường vào Bệnh viện H với đường Ng, đầu quay về hướng Nam, đuôi xe hướng Tây Bắc. Trục bánh sau bên phải cách mép đường nhựa bên phải theo chiều khám nghiệm về phía Đông theo đường vuông góc 6,26m và cách tâm vị trí số 3 về hướng Nam là 16,90m; Trục bánh trước bên phải xe ô tô cách mép đường nhựa bên phải theo chiều khám nghiệm về phía Đông là 6,42m, cách tâm vòng xuyên về hướng Bắc là 2,82m.

Vị trí số 5, là vị trí của xe ô tô BKS 73L - 1722 sau khi tai nạn đỗ trên mép và lề đường Ng, đầu quay về hướng Tây - Nam, đuôi quay về hướng Đông - Bắc. Trục bánh sau cùng (dãy 3) bên phải xe cách mép đường nhựa bên phải đường Ng theo chiều khám nghiệm về phía Tây là 1,40m; Trục bánh sau cùng (dãy 3) bên phải xe cách vị trí số 4 là 200m. Trục bánh trước bên trái xe cách mép đường nhựa bên phải đường Ng theo chiều khám nghiệm về phía Tây là 3m và cách mép đường phía Bắc của đường Nh là 5,70m và cách dải phân cách cố định về phía Nam 1,20m.

Kết luận giám định dấu vết trên phương tiện số: 747 ngày 31/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Đã có sự va chạm giữa xe ô tô BKS 73L - 1722 với ô tô BKS 73A - 056.64. Ba đơ xóc trước bên trái, bậc lên xuống cabin bên trái của xe ô tô BKS 73L - 1722 đã va chạm với thành xe sau bên phải xe ô

tô BKS 73A - 056.64 theo hướng từ sau ra trước, từ phải sang trái so với trục chuyển động xe ô tô BKS 73A - 056.64.

Không đủ cơ sở để kết luận va chạm giữa xe ô tô BKS 73L - 1722 với người đi bộ là chị Trần Thị N.

Không đủ cơ sở để xác định tốc độ của ô tô BKS 73L - 1722.

Kết luận giám định hệ thống an toàn của phương tiện xe ô tô BKS 73L - 1722 liên quan đến tai nạn số 14 ngày 15/8/2017 của Sở giao thông kết luận: Hệ thống phanh không đảm bảo an toàn kỹ thuật; Hệ thống lái không đảm bảo an toàn kỹ thuật và hệ thống đèn không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Nạn nhân Trần Thị N sau khi tai nạn được vào cấp tại Bệnh viện H nhưng tử vong ngoại viện.

Sau tai nạn, Công ty TNHH T và Hoàng Văn B1 đã thoả thuận bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho gia đình nạn nhân và bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô cho chị Lê Thị D số tiền 9.050.000 đồng. Gia đình của nạn nhân và chị D có đơn xin bãi nại và cam kết không khiếu kiện, khiếu nại đến cơ quan pháp luật.

Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đồng Hới tạm giữ: 01 xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy kiểm định xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô BKS 73L - 1722 và 01 giấy phép lái xe hạng A1, C mang tên Hoàng Văn B1.

Ngày 24/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại cho Công ty TNHH T, 01 xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy kiểm định xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô BKS 73L - 1722.

Tại bản cáo trạng số: 84/THQCT-KSĐT-TA ngày 29 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Hoàng Văn B1 ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Anh B2 về tội “ Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông không bảo đảm an toàn” theo quy định tại khoản 1 Điều 204 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử

các bị cáo Hoàng Văn B1, Hoàng Anh B2 theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 202; Điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Văn B1 từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 204; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Anh B2 từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

Về vật chứng: Trả lại cho Hoàng Văn B1 01 giấy phép lái xe hạng A1- C mang tên Hoàng Văn B1 do Sở giao thông Quảng Bình cấp ngày 24/11/2014.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn B1, Hoàng Anh B2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn B1, Hoàng Anh B2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp cả về mặt thời gian và địa điểm phạm tội, do đó có đủ cơ sở để kết luận: Hoàng Anh B2 biết rõ xe ô tô BKS 73L -1722 của Công ty TNHH T không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn nhưng vẫn điều động Hoàng Văn B1 điều khiển xe ô tô BKS 73L -1722 tham gia giao thông. Hoàng Văn B1 cũng biết xe hết niên hạn sử dụng, và không đảm bảo an toàn kỹ thuật nhưng vẫn điều khiển xe tham gia giao thông. Do hệ thống phanh mất hiệu lực nên khi chị Trần Thị N đi bộ ngang qua đường, Hoàng Văn B1 không thể dừng được xe nên đã đâm vào chị Trần Thị N, sinh năm 1968, trú tại: thôn B, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đi bộ qua đường theo hướng Tây- Đông, rồi tiếp tục đâm vào phía sau bên phải xe ô tô BKS 73A - 056.64 do Lê Thị D trú ở TDP A, phường L điều khiển chạy cùng chiều phía trước và tiếp tục chạy thêm 200m nữa khi đâm vào bên đường mới dừng lại. Hậu quả: Chị N bị tử vong tại Bệnh viện H. Hành vi của Hoàng Anh B2 và Hoàng Văn B2 gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng của người khác làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Hành vi của Hoàng Văn B1 đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình; hành vi của Hoàng Anh B2 đã phạm vào tội "Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ không bảo đảm an toàn" theo quy định tại khoản 1 Điều 204 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Hoàng Văn B1 và Hoàng Anh B2 đều là những người đã được đào tạo qua các trường lớp về chuyên môn kỹ thuật, về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, đã có nhiều thời gian và kinh nghiệm trong công việc. Hiểu biết về chuyên môn của mình, những việc gì được phép làm những việc gì cấm không được phép làm. Thế nhưng, cả B1 và B2 đều biết rõ trước xe ô tô BKS: 73L - 1722 đã hết thời hạn lưu hành, xe không đảm bảo đảm bảo an toàn mà vẫn đưa vào sử dụng, điều khiển tham gia giao thông nên đã gây tai nạn chết người. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và Bộ luật hình sự. Do vậy, cần phải xử lý bằng trách nhiệm hình sự theo tội danh và hình phạt được pháp luật quy định.

Tuy nhiên, khi nghị án HĐXX cũng xem xét cho các bị cáo: Các bị cáo đều xuất thân từ những người lao động làm công ăn lương chăm chỉ, có trách nhiệm đối với công việc được giao, nhưng chỉ do bất chấp, chủ quan mà có hành vi vi phạm pháp luật; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo

và ăn năn hối cải, tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết hậu quả vụ tai nạn; hai bị cáo đã cùng Công ty TNHH T có trách nhiệm khắc phục hậu quả bằng cách bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cũng như thăm hỏi gia đình bị hại tận tình, chu đáo; gia đình nạn nhân đã viết đơn gửi các cơ quan chức năng không yêu cầu xử lý vụ việc xảy ra bằng pháp luật hình sự; trong quá trình điều tra gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Văn B1 đã có một thời gian đi nghĩa vụ quân sự thuộc vùng 1 Hải quân tại thành phố Ph; bố bị cáo là ông Hoàng Văn Tr được tặng danh hiệu Lực lượng thanh niên xung phong tỉnh Quảng Bình, có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và được tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ Trường Sơn. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo B1.

Đối với bị cáo Hoàng Anh B2 đã từng cống hiến trong lực lượng quân đội thuộc sư đoàn 337 tỉnh Lạng Sơn được đơn vị Tặng giấy khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, sẵn sàng chiến đấu, học tập công tác và xây dựng đơn vị. Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thực hiện các điều có lợi cho người phạm tội, được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng. Ngoài ra bị cáo B2 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là bố bị cáo là ông Hoàng Văn X được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài anh dũng dân tộc. theo điểm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Cả hai bị cáo là lao động chính trong gia đình, thu nhập thấp, vợ không có việc làm, hiện đang nuôi con bị tàn tật và nuôi bố mẹ già yếu có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hoàng Anh B2 và Hoàng Văn B1.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo phạm tội xuất phát từ việc chủ quan, nghĩ đơn giản là việc đưa xe đi sửa chữa thông thường. Mặt khác, trong vụ tai nạn giao thông lỗi một phần do bị hại đi bộ ngang qua đường thiếu quan sát, không đảm bảo an toàn, vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà

cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hai bị cáo đã cùng Công ty TNHH T có trách nhiệm khắc phục hậu quả bằng cách bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại và người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nữa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Đồng Hới tạm giữ: 01 xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy kiểm định xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô BKS 73L - 1722. Ngày 24/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại cho Công ty TNHH T, 01 xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy kiểm định xe ô tô BKS 73L - 1722; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô BKS 73L - 1722, nên không xem xét.

Tại hồ sơ vụ án có một giấy phép lái xe số: 440972000260 Hạng: A1, C mang tên Hoàng Văn B1. Tại phiên tòa B1 xin nhận lại giấy phép lái xe và theo đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa nên HĐXX trả lại cho B1.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Hoàng Văn B1, Hoàng Anh B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Hoàng Văn B1 phạm tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; Bị cáo Hoàng Anh B2 phạm tội: “Đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường bộ không đảm bảo an toàn”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

2.1.1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày, cơ quan, tổ chức được

giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

Giao Hoàng Văn B1 cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hoàng Văn B1.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 204; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 1 mục 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/NQ/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Điều 31 Bộ luật hình sự:

2.2.1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Anh B2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày, cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

Giao Hoàng Anh B2 cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hoàng Anh B2.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại một giấy phép lái xe số: 440972000260 Hạng: A1, C mang tên Hoàng Văn B1, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc Hoàng Văn B1, Hoàng Anh B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/12/2017). Đối với Người bị hại và Đại diện hợp pháp của người bị hại và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Công an thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lư hồ sơ;
- Lưu án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Bá Lưu